

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN NGÀNH KINH TẾ, ĐẠI HỌC DUY TÂN

● ĐỖ VĂN TÍNH

Đại học Duy Tân

DOI: <https://doi.org/10.62831/202508037>

TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp (YĐKN) trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế, Đại học Duy Tân. Kết quả cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng theo chiều từ lớn nhất đến ít nhất, lần lượt là: Nhân tố Nhận thức kiểm soát hành vi (β đã chuẩn hóa = 0.293), nhân tố Tính cách (β đã chuẩn hóa = 0.210), nhân tố Giáo dục khởi nghiệp (β đã chuẩn hóa = 0.155), nhân tố Quy chuẩn chủ quan (β đã chuẩn hóa = 0.124) và nhân tố Thái độ (β đã chuẩn hóa = 0,082). Từ đó, bài nghiên cứu đưa ra khuyến nghị cụ thể đối với Đại học Duy Tân, giảng viên và các sinh viên.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp, sinh viên, ngành Kinh tế, Đại học Duy Tân.

1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Các công ty này đóng góp rất lớn vào việc phát triển và gia tăng chất lượng cho sản phẩm và dịch vụ. Đây là lực lượng luôn đi đầu trong việc tiếp cận những ý tưởng mới, áp dụng công nghệ mới và thúc đẩy sự sáng tạo trong nền kinh tế của các quốc gia. Hiện nay đã có nhiều nghiên cứu về YĐKN kinh doanh của sinh viên, tuy nhiên các nghiên cứu này chủ yếu dựa trên những mô hình kinh doanh truyền thống, đòi hỏi nhiều kỹ năng và kinh nghiệm, nguồn vốn. Trong khi đó, kinh doanh trên Internet lại dễ dàng tham gia hơn nhưng còn chưa được quan tâm đúng mức. Đặc biệt đối với sinh viên ngành kinh tế, khởi nghiệp trực tuyến không chỉ là cơ hội khởi nghiệp mà còn là con đường để họ áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, khai thác những tiềm năng lớn từ thị trường trực tuyến.

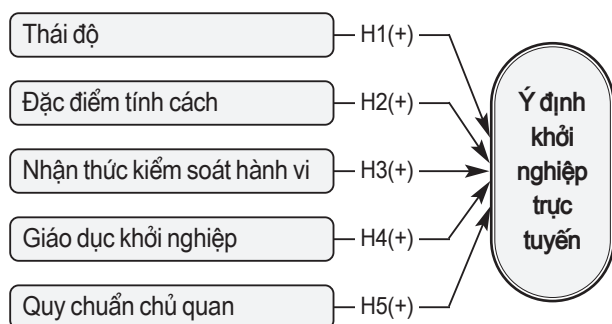
Hơn nữa, hiện nay ở Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu về khởi nghiệp kinh doanh trực tuyến, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào hành vi của người sử dụng dịch vụ trực tuyến hoặc mua hàng trực tuyến. Chính phủ Việt Nam đã và đang có những chiến lược để thúc đẩy khởi nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và khởi nghiệp trực tuyến. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến YĐKN của sinh viên không chỉ đóng góp vào việc hoàn thiện các chiến lược giáo dục và đào tạo khởi nghiệp mà còn giúp xây dựng một năng lượng khởi nghiệp mạnh mẽ, đóng góp vào sự phát triển kinh tế số của đất nước. Với sự phát triển của mạng Internet và các công nghệ ngày càng hiện đại, dự báo việc kinh doanh trên Internet sẽ ngày càng phát triển, theo đó phong trào khởi nghiệp tại TP. Đà Nẵng nói chung và Đại học Duy Tân nói riêng ngày càng thu hút được sự tham gia của nhiều bạn sinh viên.

Do đó, bài viết nghiên cứu “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp trực tuyến của sinh viên ngành kinh tế, Đại học Duy Tân” nhằm xác định các nhân tố tác động đến YĐKN và đưa ra khuyến nghị đối với Đại học Duy Tân, giảng viên và các sinh viên của trường.

2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Sau khi tham khảo các mô hình nghiên cứu tương đương trước đây và dựa vào các yếu tố đánh giá như: Số biến được đề cập nhiều ở các nghiên cứu, phù hợp với điều kiện ảnh hưởng so với các nhân tố ảnh hưởng, phù hợp với đề tài đang nghiên cứu, sự đồng thuận của các chuyên gia, bài nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu như sau: (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Các giả thuyết nghiên cứu đề xuất:

Giả thuyết H1: Thái độ có ảnh hưởng thuận chiều đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân.

Giả thuyết H2: Đặc điểm tính cách có ảnh hưởng thuận chiều đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân.

Giả thuyết H3: Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng thuận chiều đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân.

Giả thuyết H4: Giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng thuận chiều đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân.

Giả thuyết H5: Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng thuận chiều đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.

Nghiên cứu định tính được thực hiện vào tháng 9/2024 tại Đại học Duy Tân. Mục đích nhằm tìm

hiểu các khái niệm nghiên cứu, xây dựng mô hình nghiên cứu sơ bộ, điều chỉnh hoặc bổ sung thang đo.

Nghiên cứu định lượng được tiến hành vào tháng 9/2024 tại Đại học Duy Tân, bằng cách phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi. Số lượng quan sát là 155, phương pháp chọn mẫu là lấy mẫu phi xác suất thuận tiện, đối tượng là sinh viên ngành Kinh tế Đại học Duy Tân. Mục đích là kiểm định sơ bộ hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố EFA của thang đo trước khi tiến hành nghiên cứu chính thức.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả kiểm định thang đo độ tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha đối với các biến quan sát cho thấy:

Biến Giáo dục khởi nghiệp: hệ số Cronbach's Alpha của GD = 0.865 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng (Corrected Item - Total Correlation) đều > 0.3 đã giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố GD nên sẽ giữ lại thang đo.

Biến Nhận thức kiểm soát hành vi: hệ số Cronbach's Alpha của NT = 0.858 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng đều > 0.3 nên giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố NT nên sẽ giữ lại thang đo.

Biến Quy chuẩn chủ quan: hệ số Cronbach's Alpha của QC = 0.868 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng đều > 0.3 nên giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố QC, do đó sẽ giữ lại thang đo.

Biến Thái độ: hệ số Cronbach's Alpha của TD = 0.85 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng đều > 0.3, do đó, giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố TD nên sẽ giữ lại thang đo.

Biến Đặc điểm tính cách: hệ số Cronbach's Alpha của TC = 0.787 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng đều > 0.3, hay 4 biến quan sát giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố TC nên sẽ giữ lại thang đo.

Biến Ý định khởi nghiệp: hệ số Cronbach's Alpha của YD = 0.802 > 0.6 và các biến quan sát có tương quan biến - tổng đều > 0.3, do đó giải thích ý nghĩa rất mạnh cho nhân tố YD nên sẽ giữ lại thang đo.

4.2. Kết quả sau phân tích EFA

4.2.1. Chạy EFA biến độc lập

Kết quả phân tích EFA cho thấy hệ số KMO =

0,891 > 0.55, sig Barlett's Test = 0.000 < 0.05, như vậy phân tích nhân tố là phù hợp. Trong đó có 4 nhân tố được trích dựa vào tiêu chí eigenvalue > 1, như vậy 4 nhân tố này tóm tắt thông tin của 20 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng phương sai mà 4 nhân tố này trích được là 65,473% > 50%, như vậy, 4 nhân tố được trích giải thích được 65,473% biến thiên dữ liệu của 20 biến quan sát tham gia vào EFA. Và kết quả ma trận xoay cho thấy, 20 biến quan sát được phân thành 4 nhân tố (HV, TD, TC, GD và QC), tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0.5 và không còn các biến xấu.

4.2.2. Chạy EFA biến phụ thuộc

Sau khi chạy phân tích khám phá EFA với biến phụ thuộc YD kết quả EFA: KMO = 0.726 > 0.5, sig Bartlett's Test = 0.000 < 0.05, như vậy phân tích nhân tố khám phá EFA với biến phụ thuộc là phù hợp.

Và ở bảng Total Variance Explained, kết quả phân tích cho thấy có một nhân tố được trích tại eigenvalue bằng 2.508 > 1. Nhân tố này giải thích được 62,69% biến thiên dữ liệu của 1 biến quan sát tham gia vào EFA.

4.3. Kết quả sau phân tích quy hồi đa biến

Bảng 3 cho thấy R^2 (R Square) = 0.496 và R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) = 0.48 cho thấy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 48% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 52% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Kết quả này cũng đưa ra giá trị Durbin-Watson để đánh giá hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Giá trị DW = 1.913, nằm trong khoảng 1.5 đến 2.5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất.

Kết quả tại Bảng 4 cho thấy giá trị sig kiểm định $F = 0.000 < 0.05$, do đó mô hình hồi quy là phù hợp.

Bảng 1. Chỉ số KMO các nhân tố biến độc lập

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.891
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1746.608
	Df	190
	Sig.	.000

Bảng 2. Chỉ số KMO các nhân tố biến phụ thuộc

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0.726
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	201.536
	Df	6
	Sig.	0.000

Bảng 5 cho thấy:

Các biến gồm GD, NT, QC, TD, TC đều có sig kiểm định $t < 0.05$, do đó các biến này đều có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc YD. Hệ số hồi quy của các biến độc lập này đều mang dấu dương, như vậy các biến độc lập có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc.

Biến GD có hệ số Beta = 0.139, cho biết nếu nhân tố này thay đổi (tăng hoặc giảm) 1 đơn vị sẽ làm cho YĐKN trực tuyến của sinh viên thay đổi cùng chiều là 0,139 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Biến NT có hệ số Beta = 0.256, cho biết nếu nhân tố này thay đổi (tăng hoặc giảm) 1 đơn vị sẽ làm cho YĐKN trực tuyến của sinh viên thay đổi cùng chiều là 0,256 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Bảng 3. Kết quả hồi quy của mô hình (Model Summary)

Model Summary ^a					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0.705 ^a	0.496	0.480	0.65488	1.913
a. Predictors: (Constant), TC, TD, GD, QC, NT					
b. Dependent Variable: YD					

Bảng 4. Kết quả phân tích phương sai (Anova)

ANOVA ^a						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	63,004	5	12,601	29,382	0,000 ^b
	Residual	63,901	149	0,429		
	Total	126,905	154			
a. Dependent Variable: YD						
b. Predictors: (Constant), TC, TD, GD, QC, NT						

Bảng 5. Kết quả xử lý hồi quy bộ

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	0,897	0,229		3,909	0,000		
	GD	0,139	0,069	0,155	2,013	0,046	0,571	1,752
	NT	0,256	0,074	0,293	3,470	0,001	0,473	2,116
	QC	0,109	0,074	0,124	1,479	0,141	0,483	2,068
	TD	0,079	0,080	0,082	0,987	0,325	0,494	2,025
	TC	0,182	0,068	0,210	2,673	0,008	0,548	1,825
a. Dependent Variable: YD								

Biến QC có hệ số Beta = 0.109, cho biết nếu nhân tố này thay đổi (tăng hoặc giảm) 1 đơn vị sẽ làm cho YĐKN trực tuyến của sinh viên thay đổi cùng chiều là 0,109 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Biến TD có hệ số Beta = 0.079, cho biết nếu nhân tố này thay đổi (tăng hoặc giảm) 1 đơn vị sẽ làm cho YĐKN trực tuyến của sinh viên thay đổi cùng chiều là 0,079 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Biến TC có hệ số Beta = 0.182, cho biết nếu nhân tố này thay đổi (tăng hoặc giảm) 1 đơn vị sẽ làm cho YĐKN trực tuyến của sinh viên thay đổi cùng chiều là 0,182 đơn vị trong điều kiện các yếu tố khác không thay đổi.

Vậy mô hình hoàn toàn phù hợp. Phương trình hồi quy mới có dạng như sau:

$$YD = 0,139GD + 0,256NT + 0,109QC + 0,079TD + 0,182TC$$

5. Kết luận & khuyến nghị

5.1. Kết luận

Bài nghiên cứu đã tập trung vào việc đánh giá các nhân tố tác động đến YĐKN trực tuyến của sinh viên ngành Kinh tế tại Đại học Duy Tân. Mục tiêu của bài nghiên cứu nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên Đại học Duy Tân nói chung, cung cấp những kiến thức, kĩ năng để làm cơ sở cho sinh viên khởi nghiệp trực tuyến, nâng cao YĐKN trực tuyến của sinh viên. Thực hiện hóa những ý định, kế hoạch thành hành động thực tế góp phần tạo việc làm cho sinh viên, là bàn đạp giúp sinh viên tự thích ứng với môi trường khởi nghiệp.

Để áp dụng một cách hiệu quả nhất nghiên cứu này, Đại học Duy Tân cần phát huy đẩy mạnh tổ chức hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tạo ra nhiều cơ hội và sân chơi cho sinh viên trải nghiệm thực tế, kết nối nhiều doanh nghiệp với cơ hội thực tập lấy kinh nghiệm. Bên cạnh đó, việc quan tâm

và hỗ trợ, đồng hành cùng sinh viên trong đời sống tinh thần và vật chất, hỗ trợ vay vốn để tạo ra nguồn lực cho quá trình khởi nghiệp, những tác nhân này cũng là một phần gây tác động không nhỏ lên ý định của sinh viên đại học so với 5 nhân tố đã nghiên cứu ở trên.

Nhìn chung, các nhân tố Giáo dục khởi nghiệp, Thái độ, Nhận thức kiểm soát hành vi, Quy chuẩn chủ quan và Đặc điểm tính cách đã minh họa được sự ảnh hưởng của các tác nhân đến YĐKN trực tuyến của sinh viên Đại học Duy Tân.

5.2. Khuyến nghị

5.2.1. Đối với Nhà trường

Đại học Duy Tân cần chú trọng vào việc thực hiện các chiến lược quản lý chính, bao gồm:

- Tổ chức các sự kiện, cuộc thi để tăng cường sự giao lưu, học hỏi, thúc đẩy sự hiểu biết về mô hình khởi nghiệp và hoạt động cần thiết để khởi nghiệp cho sinh viên.

- Kết nối với nhiều doanh nhân và doanh nghiệp, các nhà diễn giả có tầm ảnh hưởng và chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh, kinh doanh trực tuyến để tạo các buổi hội thảo, giao lưu học hỏi kiến thức, kỹ năng tiếp cận với hình thức kinh doanh công nghệ số.

- Quản lý và điều chỉnh nội dung phương pháp giảng dạy của giảng viên để khuyến khích sinh viên học tập, tiếp cận được dễ dàng hơn nhằm truyền cảm hứng khởi nghiệp trực tuyến đối với sinh viên.

- Xây dựng văn hóa khởi nghiệp và kỹ năng khởi nghiệp: khuyến khích sinh viên thử nghiệm các ý tưởng kinh doanh mới; cấp vốn cho sinh viên phát triển và triển khai các hoạt động kinh doanh ngay từ năm thứ nhất. Đồng thời, kết hợp hỗ trợ kiến thức về khởi nghiệp cho sinh viên bằng hàng loạt các khóa học chuyên môn về pháp lý, sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

- Gia tăng thêm các khóa học ngắn hạn kỹ năng mềm. Trong đào tạo khởi nghiệp, chúng ta cần đặc biệt chú trọng đào tạo các kỹ năng cần thiết như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng lập kế hoạch,...

5.2.2. Đối với giảng viên

- Nhằm khuyến khích sinh viên tham gia khởi nghiệp trực tuyến, giảng viên cần hỗ trợ sinh viên

hiểu rõ hơn không chỉ về kiến thức kinh tế mà còn phải tạo động lực để sinh viên tự chủ động nghiên cứu và thực hành.

- Cập nhật kiến thức liên tục: giảng viên cần thường xuyên cập nhật kiến thức về công nghệ, xu hướng thị trường và phương pháp giảng dạy mới để có thể truyền đạt cho sinh viên những thông tin và kỹ năng cần thiết.

- Giảng viên nên thiết kế chương trình học một cách logic và thể hiện rõ trọng tâm cũng như thứ tự ưu tiên cần học, nhờ đó giúp sinh viên nắm được những điều quan trọng và tiếp thu tri thức một cách hiệu quả.

- Thay đổi phương pháp giảng dạy gia tăng tính thực tế, học đi đôi với hành đối với các học phần liên quan đến kinh doanh. Sự tự tin khởi sự kinh doanh có thể được gia tăng bằng việc áp dụng tối đa các phương pháp giảng dạy thực tế mà điều kiện dạy và học của nhà trường cho phép.

- Thúc đẩy nghiên cứu và sáng tạo: khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học, phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới. Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với các nguồn tài liệu, cơ sở vật chất và hỗ trợ từ giảng viên để phát triển ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp.

5.2.3. Đối với sinh viên

- Để tiến tới kế hoạch khởi nghiệp trực tuyến, bản thân sinh viên cần chủ động học tập và tìm kiếm kiến thức và kỹ năng liên quan đến ngành nghề tương lai muốn khởi nghiệp.

- Tận dụng nguồn lực học tập, các mối quan hệ cũng như quyền lợi sinh viên ngay tại môi trường đại học.

- Sinh viên cần chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tiễn kinh doanh do nhà trường, các câu lạc bộ, các tổ chức đoàn thể tổ chức để ngày càng bồi đắp sự tự tin của bản thân.

- Sinh viên ngành Kinh tế, Đại học Duy Tân nên tận dụng mọi cơ hội để kết nối với các bạn học, giảng viên, doanh nhân và các chuyên gia trong ngành. Mạng lưới quan hệ rộng lớn sẽ hỗ trợ rất nhiều trong quá trình khởi nghiệp và phát triển sự nghiệp sau này. Tham gia vào các nhóm, câu lạc bộ, hội thảo và sự kiện khởi nghiệp để mở rộng mối quan hệ và học hỏi từ những người có kinh nghiệm ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). Tài liệu tham khảo về hỗ trợ khởi nghiệp (dành cho sinh viên các trường đại học).
- Chính phủ (2016). Quyết định số 844/QĐ-TTg, ngày 18/5/2016 V/v Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025.
- Chính phủ (2017). Quyết định số 1665/QĐ-TTg, ngày 30/10/2017 V/v Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2013). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS - Tập 2. NXB Đại học Kinh tế, Hà Nội.
- Lê Thanh Sang và Đoàn Thanh Hòa (2023). Nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An. Tạp chí Kinh tế - Công nghiệp, 36.
- Nguyễn Võ Hiền Châu (2023). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Quốc tế. HCMCOUJS-Khoa học và Xã hội, 18, 56-69.
- Nguyễn Quốc Cường và Nguyễn Minh Tú Anh (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kỹ thuật tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 58.
- Trần Lợi (2023). Phân tích các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tỉnh Trà Vinh. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Trà Vinh.

Ngày nhận bài: 13/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/2/2025

FACTORS INFLUENCING ONLINE STARTUP INTENTIONS AMONG ECONOMICS STUDENTS AT DUY TAN UNIVERSITY

● DO VAN TINH

Duy Tan University

ABSTRACT:

This study investigates the factors influencing the online entrepreneurial intention of Economics students at Duy Tan University. The results reveal five key factors, ranked from most to least influential: Perceived Behavioral Control (standardized $\beta = 0.293$), Personality (standardized $\beta = 0.210$), Entrepreneurship Education (standardized $\beta = 0.155$), Subjective Norms (standardized $\beta = 0.124$), and Attitude (standardized $\beta = 0.082$). Based on these findings, the study provides targeted recommendations for Duy Tan University, faculty members, and students to foster a supportive environment for online entrepreneurship.

Keywords: entrepreneurship, student, economics, Duy Tan University.